Translate into English.

Vietnamese	English
1. A: Cô ấy cao không? B: Vâng, cô ấy cao.	A: Is she tall? B: Yes, she is.
2. A: Anh ấy cao không? B: Không, anh ấy thấp.	A: Is he tall? B: No, he isn't. He is short.
3. A: Anh của bạn đẹp trai không? B: Vâng, anh ấy đẹp trai.	A:..... B:.....
4. A: Chị của bạn xinh xắn không? B: Vâng, chị ấy xinh xắn.	A:..... B:.....
5. A: Ba của bạn già không? B: Không, ông ấy trẻ.	A:..... B:.....
6. A: Bà của bạn già không? B: Vâng, bà ấy già.	A:..... B:.....

LIVEWORKSHEETS